

Đất Đỏ, ngày 01 tháng 10 năm 2025

SỐ LIỆU QUAN TRẮC TRUNG BÌNH NGÀY TRẠM XỬ LÝ NƯỚC THẢI TẬP TRUNG
KCN ĐẤT ĐỎ I (THÁNG 09 NĂM 2025)

Ngày	Giá trị Trung bình COD (mg/L)	Giá trị Trung bình TSS (mg/L)	Giá trị Trung bình pH	Giá trị Trung bình Nhiệt độ (oC)	Giá trị Trung bình NH4 (mg/L)	Lưu lượng _ Vào (m3/ngày)	Lưu lượng _ Ra (m3/ngày)
1/9/2025	46.18	27.09	7.92	35.02	1.49	1,905	1,905
2/9/2025	50.80	25.69	7.90	35.07	1.50	1,905	1,905
3/9/2025	54.92	27.90	7.86	35.20	1.49	1,905	1,905
4/9/2025	44.60	28.37	7.85	35.35	1.47	1,905	1,905
5/9/2025	43.05	27.51	7.85	35.33	1.48	1,905	1,905
6/9/2025	41.75	26.93	7.86	35.36	1.47	1,942	1,937
7/9/2025	40.84	27.86	7.91	35.26	1.47	1,905	1,903
8/9/2025	42.23	30.50	7.88	35.14	1.46	1,893	1,892
9/9/2025	40.46	30.79	7.87	35.08	1.48	1,834	1,833
10/9/2025	40.08	30.64	7.90	35.31	1.48	1,822	1,820
11/9/2025	36.13	29.84	7.88	35.26	1.50	1,919	1,917
12/9/2025	44.31	31.76	7.91	35.11	1.42	1,915	1,910
13/9/2025	50.14	31.61	7.95	34.96	1.40	1,930	1,925
14/9/2025	50.89	33.50	7.96	34.86	1.39	1,900	1,897
15/9/2025	46.48	32.46	7.90	35.25	1.39	1,875	1,873
16/9/2025	42.68	28.21	7.86	34.99	1.36	1,676	1,676
17/9/2025	39.24	27.88	7.92	33.76	1.28	1,946	1,944
18/9/2025	38.78	31.52	8.02	33.80	1.30	1,950	1,948
19/9/2025	37.96	30.97	8.08	33.29	1.28	1,950	1,947
20/9/2025	35.54	31.77	8.19	33.60	1.25	1,950	1,946
21/9/2025	40.91	30.29	8.15	34.33	1.24	1,951	1,947

22/9/2025	44.70	30.19	8.26	34.55	1.23	1,950	1,947
23/9/2025	40.95	33.06	8.31	33.74	1.24	1,948	1,945
24/9/2025	38.08	35.16	8.33	33.56	1.26	1,948	1,945
25/9/2025	32.92	36.05	8.30	33.64	1.29	1,950	1,947
26/9/2025	32.65	27.39	8.30	33.63	1.32	2,492	2,487
27/9/2025	32.93	18.89	8.28	32.89	1.28	2,507	2,505
28/9/2025	32.50	19.36	8.31	33.03	1.27	2,527	2,522
29/9/2025	35.94	20.18	8.33	33.37	1.29	2,587	2,506
30/9/2025	38.75	19.76	8.31	33.52	1.31	2,601	2,596
Giá trị Trung bình ngày	41.25	28.77	8.05	34.44	1.37	2013.10	2008.00
QCVN 40/2011/BTNMT Cột A	60,75 (mg/l)	40,5 (mg/l)	6 đến 9	40 (oC)	4,05 (mg/l)	8.000 (m3/ngày)	


TỔNG GIÁM ĐỐC *Me.*
Võ Trung Thành